

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 12 - 2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Quỳnh L - Sinh năm: 2001

Địa chỉ: Thôn LC2, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Thanh Q – Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn VT, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

(Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2022, bản tự khai ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Quỳnh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm, cách sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng cãi nhau nhiều, anh Q không chịu khó làm ăn, ham chơi, rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2022 đến

nay. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ, chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Anh Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự.

Tại phiên tòa HĐXX công bố bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị L, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Trương Thanh Q đang cư trú tại thôn VT, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Q được biết để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh Q không có ý kiến gì. Do chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự được biết để tham gia phiên họp nhưng anh Q vắng mặt tại phiên họp không có lý do, tại phiên họp chị L đề nghị Tòa án tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt anh Q. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Q và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh Q được biết.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hôn nhân: Chị L và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/2021. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh Q và chị L đã sống ly thân từ tháng 07/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ,

chồng giữa chị L và anh Q đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh Quang.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có không có con chung nên miễn xét

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Quỳnh L được ly hôn anh Trương Thanh Q.

2. Về án phí: Chị Trương Quỳnh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007803 ngày 10/10/2022, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị L, anh Q. Chị L, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TM;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân